

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 796/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18/08/2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/08/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/04/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng X, sinh năm: 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 113/12C đường số A, khu phố B, phường LX, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 25 E đường số A, khu phố B, phường LX, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 113/12C đường số A, khu phố B, phường LX, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Trọng X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01 do UBND xã An Phú, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/10/2003, có tổ chức đám cưới. Sau kết hôn vợ chồng chung và có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh quá nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi nhau, không còn sự tôn trọng yêu thương nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cũng có thời gian hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, hiện tại vợ chồng sống ly thân từ rất lâu. Tại Tòa án

ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N

- Về con chung: Có 02 con chung

01/ **Nguyễn Trọng H** (Nam), sinh ngày: 18/05/2005

02/ **Nguyễn Trọng N**(Nam), sinh ngày: 04/10/2009

Sau ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hiện ông là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tại địa chỉ: 25 E đường số 8, khu phố 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung; nợ chung: Ông tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Đối với bị đơn: Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thì: Bị đơn bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 113/12C đường số 11, khu phố 4, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến tháng 5/2020 không còn cư trú tại địa chỉ trên, hiện bà Nga làm gì, ở đâu, không rõ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thì địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà Nguyễn Thị N là tại địa chỉ: Số 113/12C đường số 11, khu phố 4, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1

Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng X và bà Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01 do UBND xã An Phú, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/10/2003. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng X tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ông và bà Nga kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Ông xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng ông Xuyên xác định tình cảm vợ chồng với bà Nga không còn, thực tế đã sống ly thân, không còn sự liên lạc, quan tâm nhau, không thể hàn gắn được nên ông kiên quyết ly hôn. Ông Xuyên có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú, triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của ông Xuyên. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều này cho thấy bà Nga cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí, hàn gắn, đoàn tụ mối quan hệ hôn nhân với ông Xuyên

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì nguyên đơn trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân của ông, bà hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, nên mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Vì lý do trên, căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định 02 người con tên Nguyễn Trọng H(Nam), sinh ngày: 18/05/2005; Nguyễn Trọng N (Nam), sinh ngày: 04/10/2009 là con chung của ông Nguyễn Trọng X và bà Nguyễn Thị N. Theo kết quả xác minh thì

hiện tại ông Xuyên đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Nga cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai của trẻ tên Nguyễn Trọng H (Nam), sinh ngày: 18/05/2005 và Nguyễn Trọng N(Nam), sinh ngày: 04/10/2009 cũng thể hiện nguyện vọng được ở với ba là ông Nguyễn Trọng X, quá trình giải quyết vụ việc bà Nga không có ý kiến gì về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho ông Nguyễn Trọng X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng X

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Trọng X và ông Nguyễn Thị N

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trọng H (Nam), sinh ngày: 18/05/2005 và Nguyễn Trọng N (Nam), sinh ngày: 04/10/2009 cho ông Nguyễn Trọng X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0056880 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Nguyễn Trọng X đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA